|  |  |
| --- | --- |
|  | Tháng  5/2025 |

**I/ Tình hình thị trường tháng 4/2025:**

1. *Tổng quan thị trường:*

Thị trường Pakistan trong tháng 4/2025 nổi bật với sản xuất công nghiệp giảm, sản xuất nông nghiệp tăng, xuất khẩu giảm, nhập khẩu tăng. Đồng Rupi mất giá nhẹ.

Tháng 4/2025 sản xuất công nghiệp tăng 2,29 % so với cùng kỳ năm trước và giảm 3,20 % so với tháng 3/2025.

Tháng 4/2025 đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt 140,8 triệu USD, tăng 447,85 % so với tháng 3/2025. Dự trữ ngoại hối đạt 10,27 tỷ USD, giảm 3,38 %. Kiều hối đạt 3,17 tỷ USD, tăng 21,48 %. Lạm phát 0,3 %, giảm 57,14 %.

Đồng rupi mất giá nhẹ 0,22 %. Tỷ giá USD/Rupi tháng 4/2025 là 1 USD = 280,71 ru-pi.

Xuất khẩu tháng 4/2025 đạt 2,17 tỷ USD, giảm 7,65 % so với tháng trước. Từ tháng 7/2024 – 4/2025 xuất khẩu đạt 27,35 tỷ USD, tăng 6,81 % so với cùng kỳ năm trước.

Nhập khẩu tháng 4/2005 đạt 5,61 tỷ USD, tăng 16,14 % so với tháng trước. Từ tháng 7/2024 – 4/2025 nhập khẩu đạt 48,60 tỷ USD, tăng 7,55 % so với cùng kỳ năm trước.

Tháng 4/2025 xuất khẩu của Việt Nam sang Pakistan đạt 40.343.886 USD, giảm 1,3 % so với tháng trước. 4 tháng năm 2025 xuất khẩu đạt 169.051.968 USD, tăng 28,8 % so với cùng kỳ năm trước.

Tháng 4/2025 nhập khẩu của Việt Nam từ Pakistan đạt 13.685.075 USD, tăng 7 % so với tháng trước. 4 tháng năm 2025 nhập khẩu đạt 63.190.336, giảm 52,9 % so với cùng kỳ năm trước.

*2) Chi tiết thị trường:*

Tháng 4/2025 sản xuất dệt may tăng 7,91 %, than và xăng dầu tăng 5,54 %, dược phẩm tăng 7,49 %, điện tử tăng 2,59 %, khoáng sản phi kim loại tăng 1,91 %, sản phẩm sắt thép giảm 1,82 %, thực phẩm tăng 3,47 %, giấy tăng 12,06 %, ô tô tăng 60,16 %, hóa chất giảm 1,31 %, sản phẩm cao su tăng 2,29, sản phẩm gỗ tăng 3,04 %, thuốc lá tăng 9,06, thiết bị vận tải tăng 41,56 %.

Nông nghiệp tăng trưởng 0,56 % nhờ chăn nuôi bù đắp cho sản lượng bông giảm 30,7 %, lúa mỳ giảm 8,9 %.

Từ tháng 7/2024 – 4/2025 xuất khẩu nông sản đạt 6,16 tỷ USD, giảm 1,04 % so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu gạo đạt 5,086 nghìn tấn trị giá 2,86 tỷ USD giảm 0,02 % về lượng và giảm 18,84 % về trị giá; Xuất khẩu dệt may đạt 14,83 tỷ USD, tăng 8,42 %; Xuất khẩu dầu và than đạt 492 triệu USD, tăng 118,7 %; Xuất khẩu hàng công nghiệp đạt 3,5 tỷ USD, tăng 6,61 %.

Từ tháng 7/2024-4/2025 nhập khẩu lương thực thực phẩm đạt 6,85 tỷ USD, tăng 0,55 %; Nhập khẩu máy móc đạt 7,72 tỷ USD, tăng 14,35 %; Nhập khẩu phương tiện vận tải đạt 1,86 tỷ USD, tăng 33,34 %; Nhập khẩu xăng dầu đạt 13,29 tỷ USD, giảm 3,39%; Nhập khẩu dệt may đạt 3,52 tỷ USD, tăng 63,45 %; Nhập khẩu hóa chất đạt 7,37 tỷ USD, tăng 4,05 %; Nhập khẩu sắt thép kim loại mầu đạt 3,99 tỷ USD, tăng 13,19 %.

Các mặt hàng xuất nhập khẩu Việt Nam-Pakistan 4 tháng 2025:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mặt hàng** | **VNXK**  **(USD)** | **STT** | **Mặt hàng** | **VNNK**  **(USD)** |
| 1 | Chè | 19.183.092 | 1 | Vải các loại | 17.567.219 |
| 2 | Xơ, sợi dệt các loại | 38.860.903 | 2 | Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày | 9.120.243 |
| 3 | Hạt tiêu | 9.083.564 | 3 | Xơ, sợi dệt các loại | 2.882.397 |
| 4 | Sắt thép các loại |  | 4 | Dược phẩm | 3.189.709 |
| 5 | Hàng thủy sản | 3.292.435 |  |  |  |
| 6 | Cao su | 5.763.192 | 5 | Hàng hóa khác | 30.239.417 |
| 7 | Hạt điều | 1.274.988 |  |  |  |
| 8 | Sắn và các sản phẩm từ sắn | 73.610 |  |  |  |
| 9 | Sản phẩm hóa chất | 4.466.114 |  |  |  |
| 10 | Sản phẩm sắt thép | 239.723 |  |  |  |
| 11 | Điện thoại và linh kiện | 42.337.599 |  |  |  |
| 12 | Máy móc thiết bị | 3.589.551 |  |  |  |
| 13 | Phương tiện vận tải | 2.666.499 |  |  |  |
| 14 | Hàng hóa khác | 38.220.697 |  |  |  |
|  | **Tổng cộng:** | **169.051.968** |  | **Tổng cộng:** | **63.190.336** |

**II/ Cảnh báo phòng vệ thương mại, biến động thị trường, các thay đổi về chính sách kinh tế, thương mai:**

Cuộc đối đầu Pakistan-Ấn Độ kéo dài 87 giờ 25 phút, từ ngày 7 đến ngày 10/5/2025 , gây ra những thiệt hại tài chính chưa từng có:

*Thiệt hại của Ấn Độ:*

Thị trường chứng khoán NIFTY 50 và BSE Sensex mất tổng cộng 82 tỷ USD vốn hóa.

Đóng cửa không phận miền Bắc: thiệt hại 8 triệu USD/ngày cho ngành hàng không.

Giải đấu Cricket IPL bị hoãn: thiệt hại 50 triệu USD.

Chi phí quân sự trực tiếp: ước tính 100 triệu USD.

Mất 3 tiêm kích Rafale: tổng thiệt hại 400 triệu USD.

Gián đoạn thương mại và chuỗi cung ứng: ước tính 2 tỷ USD.

Tổng thiệt hại: xấp xỉ 83 tỷ USD.

*Thiệt hại của Pakistan:*

Chỉ số KSE-100 giảm 4,1%, mất 2,5 tỷ USD vốn hóa.

Giải giải bóng cricket chuyên nghiệpPSL bị đình chỉ: thiệt hại 10 triệu USD.

Đóng cửa không phận: thiệt hại 20 triệu USD.

Chi phí chiến sự: khoảng 25 triệu USD/ngày.

Chiến dịch sử dụng drone TB2 và tên lửa Ra’ad: 300 triệu USD.

Tổng thiệt hại: khoảng 4 tỷ USD.

Cuộc chiến 87 giờ này không chỉ diễn ra trên không trung, mà còn lan rộng tới thị trường chứng khoán, nền kinh tế, thể thao và đầu tư quốc tế, phơi bày sự mong manh của uy quyền quân sự hiện đại. Với chi phí trung bình 1 tỷ USD/giờ, đây không chỉ là một xung đột quân sự, mà là lời cảnh tỉnh về cái giá thật sự của chiến tranh thời công nghệ cao: không chỉ bằng bom đạn, mà bằng niềm tin thị trường, dòng vốn và hòa bình toàn khu vực.

(<https://www.thenews.com.pk/print/1310466-the-87-hour-war-1-billion-an-hour>)

(<https://www.thenews.com.pk/print/1310064-price-of-four-week-pakistan-india-conflict-pegged-at-500b>)

Cố vấn tài chính của Thủ tướng Pakistan Khurram Shehzad tuyên bố Pakistan đã vượt qua được kỳ rà soát của Tổ chức tiền tệ quốc tế (IMF) và sẽ được giải ngân 1 tỷ USD từ khoản cho vay giải cứu của IMF và được duyệt 1,4 tỷ USD từ khoản cho vay phát triển bền vững và ứng phó biến đổi khí hậu (RSF). Việc này thể hiện lòng tin của IMF vào chương trình cải cách kinh tế và các cam kết ổn định kinh tế và ứng phó biến đổi khí hậu của chính phủ Pakistan bằng cách tập trung duy trì kỷ luật kinh tế vĩ mô kết hợp xử lý khéo léo các áp lực địa chính trị với trách nhiệm và quyết tâm.

Thượng nghị viện Pakistan yêu cầu Bộ Thương mại tháo gỡ các vướng mắc trong các giao dịch hàng đổi hàng với Iran, Nga và Afghanistan. Thượng nghị viện yêu cầu sửa đổi một số quy định của quy chế xuất nhập khẩu do Bộ Thương mại ban hành, miễn tờ khai nhập khẩu điện tử (EIF) theo quy định của Ngân hàng nhả nước Pakistan. Giao dịch hàng đổi hàng không những thúc đẩy trao đổi thương mại trong bối cảnh phức tạp của thị trường thế giới hiện nay mà còn ngăn chặn các hoạt động buôn lậu qua biên giới. Gạo và vừng là 2 mặt hàng đang được trao đổi nhiều qua các giao dịch hàng đổi hàng.

Bộ trưởng kế hoạch, phát triển và sáng kiến đặc biệt Pakistan Ahsan Iqbal chủ trì cuộc họp liên bộ trong khuôn khổ chương trình 5 năm đổi mới kinh tế Pakistan 2024-2029 “”Uraan Pakistan””. Cuộc họp thảo luận việc triển khai chữ E thứ nhất (Export-xuất khẩu) trong chiến lược khung 5 E của chương trình “”Uraan Pakistan”” với mục tiêu đưa nền kinh tế Pakistan đạt 1 nghìn tỷ USD vào năm 2035, xuất khẩu đạt 60 tỷ USD trong vòng 5 năm. Bộ trưởng kêu gọi thúc đẩy xuất khẩu dựa trên nội lực, nâng cao chất lượng, năng suất lao động và tính bền vững của sản phẩm xuất khẩu của Pakistan. Chiến lược khung 5 E của chương trình “”Uraan Pakistan”” gồm: 1/ Export-xuất khẩu; 2/ E-Pakistan-chuyển đổi số; 3/ Environment-môi trường; 4/ Energy & Infrastructure-năng lượng và hạ tầng; 5/ Equity & Empowerment-Bình đẳng và nữ quyền.

Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo tăng trưởng GDP của Pakistan sẽ đạt 2,6 % trong năm tài chính 2025 và 3,6 % trong năm 2026 so với dự báo trước đây là 3,2 % và 4 %. Thâm hụt ngân sách của Pakistan là 3,6 % trong năm 2025 và 3,4 % trong năm 2026. Từ năm 2024 IMF đã cho Ai-cập, Jooc-đa-ni và Pakistan vay tổng cộng 14,8 tỷ USD.

Phòng Thương mại và công nghiệp hỗn hợp Pakistan-Trung Quốc kêu gọi thúc đẩy tam giác kinh tế Islamabad-Tehran-Istanbul kết nối với Sáng kiến Vành đai Con đường của Trung Quốc (BRI) để tái định hình thương mại khu vực. Thổ Nhĩ Kỳ được Pakistan đánh giá là nước thứ hai sau Trung Quốc luôn giữ quan hệ hữu nghị với Pakistan trong mọi biến động của thế giới và khu vực.

Chính phủ Pakistan và Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) thống nhất đặt chỉ tiêu thu thuế đạt 11,2 % GDP cho năm tài chính 2026. Chỉ tiêu năm 2025 là 10,6 % nhưng thực tế đã đạt 10,8 %. Phấn đấu tăng chỉ tiêu hàng năm lên 13 %.

**III/ Dự báo tình hình thị trường tháng 5/2025:**

Sản xuất công nghiệp giảm, sản xuất nông nghiệp tăng. Xuất khẩu giảm, nhập khẩu tăng. Đồng rupi mất giá.

**IV/ Thông báo:**

*1/ Tìm người bán:*

Nhu cầu: Textiles and Apparels

Địa chỉ liên hệ:

Synergies Worldwide

Mr. **Jawed Bhinder  (JB)**

Global Sourcing & New Business Development

Whatsapp : +66 65 447 6240 / + 92 321 2333503

E-mail: jawed@synergiesworldwide.com

*2/ Tìm người mua:*

Sản phẩm: Pumice Stone

Địa chỉ liên hệ:

Mr. Faisal Khalil Ahmed

Member KCCI

E-mail: victor\_khalil@hotmail.com

Cell/whatsapp No. 92+03008240663

**VI/ Thông tin chuyên đề:**

***Thị trường Pakistan:***

Tỷ trọng hàng nhập khẩu từ Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Pakistan (số liệu năm 2023)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mặt hàng** | **Pakistan NK** | **NK VN** | **%** |
| **Chương 54:** Sợi filament nhân tạo; sợi dạng dải và các dạng tương tự từ nguyên liệu dệt nhân tạo | 726,916,546 | 20,627,341 | 2.84 |
| **Chương 55:** Xơ sợi staple nhân tạo | 550,044,836 | 980,408 | 0.18 |
| **Chương 56:** Mền xơ, phớt và các sản phẩm không dệt; các loại sợi đặc biệt; sợi xe, chão bện (cordage), thừng và cáp và các sản phẩm của chúng | 92,948,454 | 89,196 | 0.10 |
| **Chương 57:** Thảm và các loại hàng dệt trải sàn khác | 12,610,078 | 0 | 0.00 |
| **Chương 58:** Các loại vải dệt thoi đặc biệt; các loại vải dệt chần sợi vòng; hàng ren; thảm trang trí; hàng trang trí; hàng thêu | 98,802,473 | 2,119 | 0.00 |
| **Chương 59:** Các loại vải dệt đã được ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép lớp; các mặt hàng dệt thích hợp dùng trong công nghiệp | 99,493,024 | 728,506 | 0.73 |
| **Chương 60:** Các loại hàng dệt kim hoặc móc | 227,027,766 | 249,391 | 0.11 |
| **Chương 61:** Quần áo và hàng may mặc phụ trợ, dệt kim hoặc móc | 50,603,266 | 813,579 | 1.61 |
| **Chương 62:** Quần áo và hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc | 31,014,338 | 215,238 | 0.69 |
| **Chương 63:** Các mặt hàng dệt đã hoàn thiện khác;bộ vải; quần áo dệt đã qua sử dụng và các loại hàng dệt đã qua sử dụng khác (khác 65); vải vụn | 496,114,554 | 880 | 0.00 |